

TRƯỜNG THPT CỬ CHI

TỔ TD – QP

BÀI 2

LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH

---000---

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

1) Để kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân.

2) Thực hiện quyền làm chủ của công dân và tạo điều kiện cho công dân làm tròn nghĩa vụ bảo vệ rổ quốc.

3) Đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội trong thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

1. Giới thiệu khái quát về luật

- Gồm 11 chương, 71 điều.

+ Chương I: Những quy định chung. Từ điều 1 đến điều 11.

+ Chương II: Việc phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ. Từ điều 12 đến điều 16.

+ Chương III: Việc chuẩn bị cho thanh niên phục vụ tại ngũ. Từ điều 17 đến điều 20.

+ Chương IV: Việc nhập ngũ và xuất ngũ. Từ điều 21 đến điều 36.

+ Chương V: Việc phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị. Từ điều 37 đến điều 44.

+ Chương VI: Việc phục vụ của quân nhân chuyên nghiệp. Từ điều 45 đến điều 48.

+ Chương VII: Nghĩa vụ, quyền lợi của quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và dự bị. Từ điều 49 đến điều 57.

- + *Chương VIII: việc đăng kí nghĩa vụ quân sự. Từ điều 58 đến điều 62.*
- + *Chương IX: Việc nhập ngũ theo lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ, việc xuất ngũ theo lệnh phục viên. Từ điều 63 đến điều 68.*
- + *Chương X: Việc xử lí các vi phạm. Điều 69.*
- + *Chương XI: Điều khoảng cuối cùng. Điều 70, 71.*

TRƯỜNG THPT CỬ CHI

TỔ TD – QP

BÀI 2

LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH (tuần 7)

---000---

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

1. Giới thiệu khái quát về luật

2. Nội dung cơ bản của Luật NVQS

c) Phục vụ tại ngũ trong thời bình

- Trong thời bình, lực lượng thường trực chỉ duy trì với quân số thích hợp và có chất lượng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có chất lượng và sức chiến đấu cao để thường xuyên sẵn sàng chiến đấu.

- Độ tuổi gọi nhập ngũ được quy định như sau:

+ *Công dân đủ 18 tuổi được gọi nhập ngũ; độ tuổi gọi nhập ngũ từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi*

+ *Thời hạn phục vụ tại ngũ là 24 tháng.*

+ *Bộ trưởng Bộ quốc phòng có quyền kéo dài thời gian phục vụ tại ngũ của HSQ,BS nhưng không quá 6 tháng.*

- *Những công dân nam sau đây được tạm hoãn gọi nhập ngũ trong thời bình:*

◆ a) Chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của Hội đồng khám sức khỏe;

- ◆ b) Là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động; trong gia đình bị thiệt hại nặng về người và tài sản do tai nạn, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm gây ra được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;
 - ◆ c) Một con của bệnh binh, người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%;
 - ◆ d) Có anh, chị hoặc em ruột là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ; hạ sĩ quan, chiến sĩ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;
 - ◆ đ) Người thuộc diện di dân, giãn dân trong 03 năm đầu đến các xã đặc biệt khó khăn theo dự án phát triển kinh tế-xã hội của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên quyết định;
 - ◆ e) Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;
 - ◆ g) Đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông; đang đào tạo trình độ đại học hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục đại học, trình độ cao đẳng hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian một khóa đào tạo của một trình độ đào tạo.
- *Những công dân nam sau đây được miễn gọi nhập ngũ trong thời bình:*
- ◆ a) Con của liệt sĩ, con của thương binh hạng một;
 - ◆ b) Một anh hoặc một em trai của liệt sĩ;
 - ◆ c) Một con của thương binh hạng hai; một con của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; một con của người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
 - ◆ d) Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, Công an nhân dân;
 - ◆ đ) Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật từ 24 tháng trở lên.
- + Chế độ chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ:

- ◆ a) Được bảo đảm cung cấp kịp thời, đủ số lượng, đúng chất lượng về lương thực, thực phẩm, quân trang, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; được bảo đảm chỗ ở, phụ cấp hàng tháng, nhu yếu phẩm và nhu cầu về văn hoá, tinh thần phù hợp với tính chất nhiệm vụ của quân đội; được bảo đảm chế độ trong các ngày lễ, tết; được bảo đảm chăm sóc sức khỏe khi bị thương, bị ốm đau, bị tai nạn theo quy định của pháp luật;
- ◆ b) Từ tháng thứ mười ba trở đi được nghỉ phép theo chế độ; các trường hợp nghỉ vì lý do đột xuất khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định;
- ◆ c) Từ tháng thứ hai năm trở đi được hưởng thêm 250% phụ cấp quân hàm hiện hưởng hàng tháng;
- ◆ d) Được tính nhân khẩu trong gia đình khi gia đình được giao hoặc điều chỉnh diện tích nhà ở, đất xây dựng nhà ở và đất canh tác;
- ◆ đ) Được tính thời gian phục vụ tại ngũ vào thời gian công tác;
- ◆ e) Được ưu đãi về bưu phí;
- ◆ g) Có thành tích trong chiến đấu, công tác, huấn luyện được khen thưởng theo quy định của pháp luật;
- ◆ h) Trong trường hợp bị thương, bị bệnh khi làm nhiệm vụ thì được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật;
- ◆ i) Được Nhà nước bảo đảm chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế;
- ◆ k) Được tạm hoãn trả và không tính lãi suất khoản vay từ ngân hàng chính sách xã hội mà trước khi nhập ngũ là thành viên hộ nghèo, học sinh, sinh viên theo quy định của pháp luật;
- ◆ l) Được ưu tiên trong tuyển sinh quân sự.
- ◆ + **Quyền lợi đối với hạ sĩ quan, binh sĩ khi xuất ngũ:**
- ◆ a) Được cấp tiền tàu xe, phụ cấp đi đường, trợ cấp xuất ngũ;
- ◆ b) Trước khi nhập ngũ đang học tập hoặc có giấy gọi vào học tập tại các trường thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả, được tiếp nhận vào học ở các trường đó;

- ◆ c) Được trợ cấp tạo việc làm;
- ◆ d) Trước khi nhập ngũ đang làm việc tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội thì khi xuất ngũ cơ quan, tổ chức đó phải có trách nhiệm tiếp nhận lại, bố trí việc làm và bảo đảm thu nhập không thấp hơn trước khi nhập ngũ; trường hợp cơ quan, tổ chức đó đã giải thể thì cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp có trách nhiệm bố trí việc làm phù hợp;
- ◆ đ) Trước khi nhập ngũ đang làm việc tại tổ chức kinh tế thì khi xuất ngũ tổ chức đó phải có trách nhiệm tiếp nhận lại, bố trí việc làm và bảo đảm tiền lương, tiền công tương xứng với vị trí việc làm và tiền lương, tiền công trước khi nhập ngũ; trường hợp tổ chức kinh tế đã chấm dứt hoạt động, giải thể hoặc phá sản thì việc giải quyết chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ được thực hiện như đối với người lao động của tổ chức kinh tế đó theo quy định của pháp luật;
- ◆ e) Được giải quyết quyền lợi về bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội;
- ◆ g) Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ theo quy định tại khoản 1 Điều 43 và khoản 1 Điều 48 của Luật này, khi về địa phương được chính quyền các cấp, cơ quan, tổ chức ưu tiên sắp xếp việc làm và cộng điểm trong tuyển sinh, tuyển dụng công chức, viên chức; trong thời gian tập sự được hưởng 100% mức lương và phụ cấp của ngạch tuyển dụng tương ứng với trình độ đào tạo.
+ Quyền lợi của gia đình hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ:
 - ◆ a) Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng; người nuôi dưỡng hợp pháp; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của Luật bảo hiểm y tế, được hưởng trợ cấp khó khăn do ngân sách Nhà nước bảo đảm;
 - ◆ b) Con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ được miễn, giảm học phí khi học tại cơ sở giáo dục phổ thông công lập và ngoài công lập theo quy định của pháp luật về chế độ miễn, giảm học phí;
 - ◆ c) Trường hợp hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ hy sinh, tử trận trong khi làm nhiệm vụ thì gia đình được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật.

◆ ***d) Xử lý các vi phạm Luật NVQS***

◆ **Nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của Pháp luật.**

- ◆ Bất kể cá nhân, cơ quan, tổ chức, ... nào vi phạm đều bị xử lý nghiêm minh theo quy định không phân biệt bất cứ thành phần nào.

TRƯỜNG THPT CỬ CHI

TỔ TD – QP

**BÀI 3: BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA
VIỆT NAM**

---000---

I. LÃNH THỔ QUỐC GIA VÀ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ QUỐC GIA

1. Lãnh thổ quốc gia

a. Khái niệm lãnh thổ quốc gia

Lãnh thổ quốc gia xuất hiện cùng với sự ra đời của nhà nước. Ban đầu lãnh thổ quốc gia chỉ được xác định trên đất liền dần dần mở rộng ra trên biển, trên trời và trong lòng đất.

Lãnh thổ quốc gia: Là một phần của trái đất. Bao gồm: vùng đất, vùng nước, vùng trời trên vùng đất và vùng nước, cũng như lòng đất dưới chúng thuộc chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt của một quốc gia nhất định.

b. Các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia.

- Vùng đất: Gồm phần đất lục địa, các đảo và các quần đảo thuộc chủ quyền quốc gia.
- Vùng nước: Vùng nước quốc gia là toàn bộ các phần nước nằm trong đường biên giới quốc gia.
- Vùng lòng đất: là toàn bộ phần nằm dưới vùng đất và vùng nước

-Vùng trời: là khoảng không bao trùm lên vùng đất và vùng nước của quốc

-Vùng lãnh thổ đặc biệt: Tàu thuyền, máy bay, các phương tiện mang cờ dấu hiệu riêng biệt và hợp pháp của quốc gia ..., hoạt động trên vùng biển quốc tế, vùng nam cực, khoảng không vũ trụ... ngoài phạm vi lãnh thổ quốc gia mình được thừa nhận như một phần lãnh thổ quốc gia.

2. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

a. Khái niệm chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

- Khái niệm: Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là quyền tối cao, tuyệt đối, hoàn toàn và riêng biệt của quốc gia đối với lãnh thổ và trên lãnh thổ của mình.
- Đó là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm, quốc gia có quyền đặt ra quy chế pháp lý đối với lãnh thổ. Nhà nước có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với lãnh thổ thông qua hoạt động của các cơ quan Nhà nước như lập pháp và tư pháp.

b. Nội dung chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

* Lãnh thổ quốc gia thuộc chủ quyền hoàn toàn riêng biệt của một quốc gia.

- Quốc gia có quyền tự lựa chọn chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội phù hợp với cộng đồng cư dân sống trên lãnh thổ mà không có sự can thiệp áp đặt dưới bất kỳ hình thức nào từ bên ngoài.

- Quốc gia có quyền tự do lựa chọn phương hướng phát triển đất nước, thực hiện những cải cách kinh tế, xã hội phù hợp với đặc điểm quốc gia. Các quốc gia khác các tổ chức quốc tế phải có nghĩa vụ tôn trọng sự lựa chọn đó.

- Quốc gia tự quy định chế độ pháp lý đối với từng vùng lãnh thổ.
- Quốc gia có quyền sở hữu hoàn toàn tài nguyên thiên nhiên trên lãnh thổ của mình.
- Quốc gia thực hiện quyền tài phán (xét xử) đối với những người thuộc phạm vi lãnh thổ của mình (trừ những trường hợp pháp luật quốc gia, hoặc điều ước quốc tế mà quốc gia đó tham gia là thành viên có quy định khác).
- Quốc gia có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế thích hợp đối với những Công ty đầu tư trên lãnh thổ mình.
- Quốc gia có quyền và nghĩa vụ bảo vệ, cải tạo lãnh thổ quốc gia theo nguyên tắc chung quốc tế, có quyền thay đổi lãnh thổ phù hợp với pháp luật và lợi ích của cộng đồng dân cư sống trên lãnh

TRƯỜNG THPT CỬ CHI
TỔ TD – QP

BÀI 3

BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA VIỆT NAM

---000---

B- BIÊN GIỚI QUỐC GIA .

1- Sự hình thành biên giới quốc gia Việt Nam .

Tuyến biên giới đất liền:

Biên giới Việt Nam – Trung Quốc dài 1.306km đã được hai nước kí kết Hiệp ước biên giới quốc gia trên đất liền, phần đầu trong năm 2008 sẽ hoàn thành việc phân giới cắm mốc và kí hiệp định qui chế quản lí biên giới.

Biên giới Việt Nam - Lào dài 2.067km được hoạch định và phân giới cắm mốc theo hoạch định biên giới ngày 18/7/1977.

Biên giới Việt Nam – Campuchia dài 1.137, được hoạch định theo Hiệp ước ngày 27/2/1985 và Hiệp ước bổ sung ngày 10/10/2005, hai nước thỏa thuận tiến hành phân giới cắm mốc, phần đầu hoàn thành vào năm 2013.

Tuyến biển đảo Việt Nam đã xác định được 12 điểm để xác định đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải theo tuyên bố ngày 12/11/1982 của chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đàm phán với Trung Quốc kí kết hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ ngày 25/12/2000.

Ngày 7/7/1982, Việt Nam đã kí kết với Campuchia thiết lập vùng nước lịch sử giữa hai nước.

Đồng thời đã kí các hiệp định phân định biển với Thái Lan, Ấn Độ.

Như vậy Việt Nam còn phải giải quyết phân định biển với Trung Quốc trên biển Đông và chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; với Campuchia về biên giới trên biển; với Malaixia về chồng lấn vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa; với Philipin về tranh chấp trên quần đảo Trường Sa.

Sau khi giải quyết xong những vấn đề trên, Việt Nam mới có thể xác định đầy đủ biên giới quốc gia trên biển và các ranh giới vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam.

2- Khái niệm biên giới quốc gia.

a) Khái niệm

Các nước trên thế giới đều xây dựng khái niệm biên giới quốc gia đều thể hiện hai dấu hiệu đặc trưng:

Một là, biên giới quốc gia là giới hạn lãnh thổ của một quốc gia.

Hai là, biên giới quốc gia xác định chủ quyền hoàn toàn và tuyệt đối của quốc gia đối với lãnh thổ

“Biên giới quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

b) Các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia

Như vậy có thể hiểu biên giới quốc gia gồm 4 bộ phận cấu thành là: biên giới trên đất liền, biên giới trên biển, biên giới lòng đất và biên giới trên không.

- Biên giới quốc gia trên đất liền:

+ Biên giới quốc gia trên đất liền là biên giới phân chia chủ quyền lãnh thổ đất liền của một quốc gia với quốc gia khác

- Biên giới quốc gia trên biển:

Biên giới quốc gia trên biển có thể có hai phần:

+ Một phần là đường phân định nội thủy, lãnh hải giữa các nước có bờ biển tiếp liền hay đối diện nhau.

- Biên giới lòng đất của quốc gia:

+ Biên giới lòng đất của quốc gia là biên giới được xác định bằng mặt thẳng đứng đi qua đường biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển xuống lòng đất, độ sâu tới tâm trái đất.

- Biên giới trên không:

Là biên giới vùng trời của quốc gia, gồm hai phần:

+ Phần thứ nhất, là biên giới bên sườn được xác định bằng mặt thẳng đứng đi qua đường biên giới quốc gia trên đất liền và trên biển của quốc gia lên không trung.

+ Phần thứ hai, là phần biên giới trên cao để phân định ranh giới vùng trời thuộc chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt của quốc gia và khoảng không gian vũ trụ phía trên. Cho đến nay luật quốc tế vẫn chưa có quy định thống nhất về độ cao của vùng trời. Trong thực tiễn, điều này tùy thuộc vào tuyên bố của từng nước. Việt Nam không xác định giới hạn độ cao biên giới phía trên của khoảng không gian.

3. Xác định biên giới quốc gia Việt Nam

a) Nguyên tắc cơ bản xác định biên giới quốc gia

- Các nước trên thế giới cũng như Việt Nam điều tiến hành xác định biên giới bằng hai cách cơ bản:

+ Thứ nhất, các nước có chung biên giới và ranh giới trên biển thương lượng để giải quyết vấn đề xác định biên giới quốc gia.

+ Thứ hai, đối với biên giới giáp với các vùng biển thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia

- Ở Việt Nam, mọi kí kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế về biên giới của chính phủ phải được Quốc hội phê chuẩn thì điều ước quốc tế ấy mới có hiệu lực đối với Việt Nam.

b) Cách xác định biên giới quốc gia

Mỗi loại biên giới quốc gia được xác định theo các cách khác nhau :

- Xác định biên giới quốc gia trên đất liền: Biên giới quốc gia trên đất liền được hoạch định và đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống mốc quốc giới.

+ Nguyên tắc chung hoạch định biên giới quốc gia trên đất liền bao gồm:

- Biên giới quốc gia trên đất liền được xác định theo các điểm, đường, vật chuẩn.
- Biên giới quốc gia trên sông, suối được xác định :

Trên sông, suối mà tàu thuyền không đi lại được, biên giới được xác định theo giữa lạch của sông hoặc lạch chính của sông.

Trên sông, suối mà tàu thuyền không đi lại được thì biên giới theo giữa sông, suối đó. Trường hợp sông, suối đổi dòng thì biên giới vẫn giữ nguyên.

+ Khi biên giới đã được xác định, cần có biện pháp và phương pháp cố định biên giới đó, nghĩa là giữ cho biên giới luôn ở vị trí xác định, làm cho tất cả mọi người nhận biết rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo vệ, duy trì kiểm soát việc chấp hành các luật lệ và quy định về biên giới. Thông thường các nước trên thế giới sử dụng ba phương pháp để cố định đường biên giới quốc gia:

*Dùng tài liệu ghi lại đường biên giới:

*Đặt mốc quốc giới :

*Dùng đường phát quang :

Ở Việt Nam hiện nay mới dùng hai phương pháp : Dùng tài liệu ghi lại đường biên giới và đặt mốc quốc giới. Chúng ta chưa có điều kiện làm đường phát quang vì địa hình

rừng núi phức tạp, khí hậu nhiệt đới nên rừng cây rậm rạp khó có thể làm đường phát quang được.

- Xác định biên giới quốc gia trên biển :

Biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ. Xác định biên giới quốc gia trong lòng đất :

Biên giới quốc gia trong lòng đất là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất.

Xác định biên giới quốc gia trên không :

Biên giới quốc gia trên không là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên vùng trời.

TRƯỜNG THPT CỬ CHI

TỔ TD – QP

BÀI 3

BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA VIỆT NAM

---000---

III - BẢO VỆ BIÊN GIỚI QUỐC GIA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Một số quan điểm của Đảng và Nhà nước CHXHCNVN về bảo vệ biên giới quốc gia

a) Biên giới quốc gia nước CHXHCNVN là thiêng liêng, bất khả xâm phạm:

b) Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là nhiệm vụ của Nhà nước và là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

c) Bảo vệ biên giới quốc gia phải dựa vào dân, trực tiếp là đồng bào các dân tộc ở biên giới.

d) Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị; giải quyết các vấn đề về biên giới quốc gia bằng biện pháp hoà bình.

e) Xây dựng lực lượng vũ trang chuyên trách, nòng cốt quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thực sự vững mạnh theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có chất lượng cao, có quân số và tổ chức hợp lý:

2. Nội dung cơ bản xây dựng và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

a) Vị trí, ý nghĩa của việc xây dựng và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia:

Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa vô cùng quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại. Giữ vững ổn định bên trong, ngăn ngừa hoạt động xâm nhập, phá hoại từ bên ngoài phát triển đất nước.

Bài 4: SÚNG TIỂU LIÊN AK VÀ SÚNG TRƯỜNG CKC

I. SÚNG TIỂU LIÊN AK

1. Tác dụng, tính năng chiến đấu của súng tiểu liên AK.



Mikhail Timofeevich
Kalashnikov



Hình 4-1. Súng tiểu liên AK
a) AK ; b) AKM ; c) AKMS

Súng Tiểu liên AK do Liên Xô sản xuất đầu tiên. AK viết tắt của Atomat Kalashnicov (súng Kalashnicov tự động), do Kalasnicov chế tạo năm 1947, còn gọi là súng AK 47, AK thường hay AK cỡ 7,62 mm.

Sau này có một số súng được cải tiến như: AKM, AKMS, và nhiều phiên bản khác.

- Súng AK trang bị cho từng người dùng để tiêu diệt sinh lực địch. Súng có lẽ dễ đánh gần.

- Súng dùng đạn cỡ 7,62 mm x 39 mm kiểu 1943 do Liên Xô chế tạo hoặc kiểu 1956 do Trung Quốc chế tạo. Súng dùng chung đạn với các loại súng: Súng trường CKC, K63, trung liên RPD, RPK.

- Tầm bắn ghi trên thước ngắm : 800m, AK cải tiến là 1000m.

- Tầm bắn hiệu quả: 400; hỏa lực tập trung: 800 m; bắn máy bay, quân nhảy dù : 500m
- Tầm bắn thẳng: Mục tiêu cao 0.5m là 350m, mục tiêu cao 1.5m là 525m
- Tốc độ của đầu đạn: AK:710m/s; AK cải tiến:715m/s
- Tốc độ bắn chiến đấu: phát một: 40phát/phút, liên thanh: 100phát/phút.
- Trọng lượng của súng là 3,8kg, AKM : 3,1kg, AKMS : 3,3kg.
- Hộp tiếp đạn chứa 30 viên nặng 0,5 kg

2. Cấu tạo của súng.



Hình 4-2. Cấu tạo chính của súng tiểu liên AK

- | | |
|---|---|
| 1. Nòng súng. | 6. Bộ phận cò. |
| 2. Bộ phận ngắm (đầu ngắm (2a) và thước ngắm (2b)). | 7. Bộ phận đẩy về. |
| 3. Hộp khóa nòng (3a) và nắp hộp khóa nòng (3b). | 8. Ống dẫn thoi và ốp lót tay trên (8a) ; ốp lót tay dưới (8b). |
| 4. Bộ khóa nòng và thoi đẩy. | 9. Băng súng và tay cầm. |
| 5. Khóa nòng. | 10. Hộp tiếp đạn. |
| | 11. Lê. |

Súng tiểu liên AK gồm có 11 bộ phận chính

- Nòng súng: Để định hướng bay cho đầu đạn...
- Bộ phận ngắm: Để ngắm bắn vào các mục tiêu ở cự ly khác nhau.
- Hộp khóa nòng và nắp hộp khóa nòng.
- Bộ khóa nòng và thoi đẩy.
- Khóa nòng.

- Bộ phận cò.
- Ống dẫn thoi đẩy và ốp lót tay.
- Báng súng và tay cầm.
- Hộp tiếp đạn.
- Lê

Cấu tạo của đạn .

Đạn K56 có 4 bộ phận:

- Đầu đạn.
- Vỏ đạn.
- Thuốc phóng
- Hạt lửa.

Sơ lược chuyển động của súng khi bắn:

- Gạt cần định cách bắn về vị trí bắn, kéo tay kéoo BKN về sau, buông ra để lên đạn.
- Bóp cò, búa đập vào kim hỏa, kim hỏa chọc vào hạt lửa, đạn nổ đẩy đầu đạn vào nòng súng.
- Khi đầu đạn qua lỗ trích khí thuốc, một phần khí thuốc phụt qua lỗ truyền khí thuốc đập vào mặt thoi đẩy đẩy bộ khóa nòng và khóa nòng lùi, hất vỏ đạn ra ngoài.
- Khi bộ khoá nòng lùi hết cỡ, bộ phận đẩy về giãn ra đẩy bộ khoá nòng và khoá nòng tiến, đưa viên đạn tiếp theo vào buồng đạn.

Cách lắp và tháo đạn.

Lắp đạn: Tay trái giữ hộp tiếp đạn, sống hộp tiếp đạn quay sang trái. Tay phải cầm viên đạn, đầu đạn quay sang phải. Đặt viên đạn vào cửa tiếp đạn rồi ấn xuống, đáy vỏ đạn phải sát thành sau của hộp tiếp đạn.

Tháo đạn: Tay trái giữ hộp tiếp đạn, sống hộp tiếp đạn quay sang trái. Tay phải dùng đầu ngón tay cái đẩy đáy vỏ đạn về trước, cứ như vậy cho đến khi hết đạn.

II. SÚNG TRƯỜNG CKC

1. Tác dụng, tính năng chiến đấu của súng trường CKC



Sergei Gavrilovich Simonov



Hình 4-29. Súng trường CKC.

- Súng trường CKC được trang bị cho từng người để tiêu diệt sinh lực địch.
- Súng trường CKC chỉ bắn được phát 1 và có lê để đánh gần.
- Tầm bắn của súng :
 - + Tầm bắn ghi trên thước ngắm 1000m.
 - + Tầm bắn thẳng (mục tiêu cao 0,5m: 350m, mục tiêu cao 1.5 m :525m)
 - + lực Tầm bắn hiệu quả: 400 m. Hỏa lực tập trung 800, Bắn máy bay và quân nhảy dù trong vòng 500m.
- Tốc độ của đầu đạn: 735m/s.
- Tốc độ bắn chiến đấu 35-40 phát /1phút.
- khối lượng của súng: 3,75kg. có đủ đạn 3,9 kg.
- Súng sử dụng đạn kiểu 1943(đạn k56) với các loại đầu đạn khác nhau nhau như : đầu đạn thường, đạn vạch đường đạn xuyên cháy, đạn cháy.
- Ở cự li 1500m đầu đạn còn đủ sức gây sát thương.

2.Cấu tạo của súng (Súng CKC có 12 bộ phận chính)

Súng trường CKC gồm có 12 bộ phận chính :



Hình 4-30. Cấu tạo chính của súng trường CKC.

- Nòng súng.
- Bệ phận ngắm
- Hộp khoá nòng
- Bệ khóa nòng.
- Khoá nòng.
- Bộ phận đẩy về.
- Bộ phận cò.
- Thoi đẩy, cần đẩy, lò xo cần đẩy.
- Báng súng
- Ống dẫn thoi và ổp lót tay và nắp hộp khoá nòng.
- Hộp tiếp đạn.

- Lê .

3.Sơ lược chuyển động của súng khi bắn:

Mở khoá an toàn, lên đạn, bóp co, búa đập vào kim hỏa, đạn nổ. Khi đầu đạn đi qua khâu truyền khí thuốc, một phần khí thuốc làm thoi đẩy bộ khóa nòng lùi, mở khóa nòng. Khóa nòng lùi kéo theo vỏ đạn hất ra ngoài. Búa ngả về sau, lò xo đẩy về bị ép lại. Khi bộ khóa nòng, khóa nòng lùi hết cỡ, lò xo đẩy về dẫn ra làm cho bộ khóa nòng, khóa nòng tiến, đẩy viên đạn tiếp theo vào buồng đạn, đóng khóa nòng, búa ở thế giương, súng ở tư thế sẵn sàng bắn.

Cách lắp và tháo đạn.

Lắp đạn: Tay trái cầm kẹp đạn, tay phải cầm viên đạn đặt viên đạn vào kẹp đạn sao cho gờ đáy vỏ đạn khớp gờ 2 thành kẹp. Sau đó lắp kẹp đạn vào súng

Tháo đạn: Tay trái cầm kẹp đạn, tay phải lấy từng viên đạn ra khỏi kẹp đạn.

III. QUI TẮC SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN SÚNG, ĐẠN

1. Quy tắc sử dụng súng, đạn.

- Khi mượn súng để tập luyện phải có giáo viên phụ trách, không để học sinh tự ý mượn.
- Phải khám súng ngay khi mượn súng, khám súng thực hiện đúng quy định.
- Cấm sử dụng súng để đùa nghịch hay chĩa súng vào người khác bóp cò.
- Chỉ được tháo lắp hay sử dụng súng khi có lệnh của giáo viên.
- Cấm để đạn thật lẫn vào đạn tập, khi giảng không dùng đạn thật để là động tác.
- Khi bắn đạn thật phải chấp hành các quy định bảo đảm an toàn, bắn xong phải lau chùi bảo quản súng theo đúng chế độ.

2.Quy tắc lau chùi bảo quản súng.

- Súng phải để nơi khô ráo sạch sẽ, không để bụi bẩn nước, nắng hắt vào...
- Không được làm rơi súng đạn ,không được dùng súng làm gậy chống, làm đòn khiêng, không ngồi lên súng...chỉ được vận chuyển súng đạn khi được bao gói cẩn thận.

- Hằng ngày sau khi học tập, công tác phải lau sạch súng, hằng tuần phải tháo lắp thông thường để lau chùi bôi dầu mỡ vào các bộ phận của súng.
- Phải thường xuyên kiểm tra, lau chùi bảo quản súng, đạn theo chế độ, thấy súng đạn mất phải báo ngay cho người có trách nhiệm.

3. Quy tắc tháo và lắp súng.

Quy tắc tháo và lắp súng

- Người tháo, lắp phải nắm vững cấu tạo của súng.
- Khi tháo phải chọn nơi khô ráo, sạch sẽ. Trước khi tháo phải chuẩn bị đầy đủ những đồ dùng, phương tiện cần thiết.
- Trước khi tháo, lắp phải khám súng.
- Khi tháo, lắp phải dùng đúng phụ tùng, làm đúng động tác, gấp vướng mắc phải nghiên cứu thận trọng, không dùng sức mạnh đập, bẩy làm hỏng súng.

Thứ tự động tác tháo và lắp

*** Tháo súng:**

Bước 1: Tháo hộp tiếp đạn và kiểm tra súng

Tay trái nắm ốp lót tay để đầu súng hướng lên trên, mặt súng quay sang trái, tay phải nắm hộp tiếp đạn, bốn ngón con phía trên, ngón cái phía dưới bóp vào lẫy giữ hộp tiếp đạn, đẩy hộp tiếp đạn lên, tháo ra; gạt cần định cách bắn về vị trí bắn, ngón tay cái kéo bệ khóa nòng xuống dưới hết cỡ, thả tay ra (không bóp cò)

Bước 2: Tháo ống phụ tùng

Tay nâng súng lên cách mặt bàn khoảng 20cm, tay phải ngón trỏ ấn vào nắp của ổ chứa ống phụ tùng ở đế báng súng, lấy ống phụ tùng ra. Đặt súng xuống, tháo rời từng bộ phận.

Bước 3: Tháo thông nòng.

Tay trái cầm cổ báng súng, mặt súng quay lên trên, ngón cái ấn vào đuôi cốt lò xo của bộ phận đẩy về, tay phải nắm phía dưới của hộp khóa nòng, nhấc lên, tháo ra.

Bước 4: Tháo nã hộp khóa nòng

Tay trái giữ súng như bước 1, tay phải mở lê ra 1 góc 450, kéo thông nòng sang phải lên trên, rút thông nòng ra, gập lê lại (nếu có)

Bước 5: Tháo bộ phận đẩy về.

Tay trái giữ súng như cũ. Tay phải cầm chân đuôi cốt lò xo bộ phận đẩy về, đẩy về trước cho chân đuôi cốt lò xo rời khỏi rãnh chứa trên hộp khóa nòng, lấy ra.

Bước 6: Tháo bộ khóa nòng và khóa nòng.

Tay trái giữ súng như cũ, tay phải nắm choàng lên bộ khóa nòng, kéo bộ khóa nòng và khóa nòng về sau hết cỡ, nhấc lên, kéo ra khỏi bộ khóa nòng. Tay phải cầm ngửa bộ khóa nòng, tay trái cầm khóa nòng xoay sang phải về sau để mấu đóng mở của khóa nòng rời khỏi rãnh lượn ở bộ khóa nòng, tháo khóa nòng ra khỏi bộ khóa nòng.

Bước 7: Tháo ống dẫn thoi và ốp lót tay.

Tay trái cầm ốp lót tay dưới, mặt súng quay lên trên, tay phải dùng ngón trỏ hoặc ống phụ tùng xoay lẫy giữ ống dẫn thoi lên một góc 450 , tháo ống dẫn thoi và ốp lót tay trên ra khỏi súng.

*** Lắp súng**

Thứ tự động tác lắp súng thực hiện ngược lại động tác tháo súng, bộ phận nào tháo ra sau thì lắp vào trước. Thứ tự động tác cụ thể như sau:

Bước 1: Lắp ống dẫn thoi và ốp lót tay trên.

Tay trái giữ súng như khi tháo, tay phải cầm ống dẫn thoi và ốp lót tay trên lắp đầu ống dẫn thoi vào khuyết ở khâu truyền khí thuốc, ấn ốp lót tay trên xuống, gạt lẫy giữ ống dẫn thoi xuống hết cỡ.

Bước 2: Lắp bộ khóa nòng và khóa nòng.

Tay phải cầm bộ khóa nòng như khi tháo, tay trái cầm khóa nòng lắp đuôi khóa nòng vào ổ chứa rồi xoay khóa nòng từ sau sang phải lên trên hết cỡ, tay phải ngón cái tì vào tai khóa trái của khóa nòng.

Lắp bộ khóa nòng và khóa nòng vào súng: Tay trái cầm cổ báng súng, mặt súng hơi nghiêng sang phải, tay phải đưa đầu thoi đẩy vào lỗ chứa thoi ở bộ thước ngắm, đặt phía sau bộ khóa nòng sát phía sau hộp khóa nòng, ấn đều bộ khóa nòng xuống cho hai rãnh trượt của bộ khóa nòng khớp với hai gờ ở hộp khóa nòng, đẩy bộ khóa nòng và khóa nòng về trước hết cỡ.

Bước 3: Lắp bộ phận đẩy về.

Tay trái vẫn giữ súng, tay phải cầm chân đuôi lò xo bộ phận đẩy về, lắp đầu bộ phận đẩy về vào lỗ chứa bộ phận đẩy về ở bệ khóa nòng, ấn bộ phận đẩy về về trước, lựa cho đuôi lò xo bộ phận đẩy về khớp với rãnh dọc ở hộp khóa nòng.

Bước 4: Lắp nắp hộp khóa nòng và kiểm tra chuyển động của súng.

Lắp nắp hộp khóa nòng: Tay trái vẫn giữ súng, tay phải cầm nắp hộp khóa nòng, lựa cho đầu nắp hộp khóa nòng vào khuyết hình cung ở bệ thước ngắm, ấn nắp hộp khóa nòng xuống cho mấu giữ nắp hộp khóa nòng lọt vào lỗ chứa mấu giữ nắp hộp khóa nòng.

Kiểm tra chuyển động của súng: Tay trái giữ súng như bước 1 khi tháo, tay phải ngón cái kéo tay kéo bệ khóa nòng về sau hết cỡ, thả ra, làm 2-3 lần, bệ khóa nòng và khóa nòng chuyển động bình thường, bóp cò, búa đập là được, gạt cần định cách bắt về vị trí khóa an toàn.

Bước 5: Lắp thông nòng súng.

Tay trái cầm ốp lót tay giữ súng như khi tháo, tay phải cầm thông nòng lắp đầu thông nòng vào lỗ chứa dưới khâu truyền khí thuốc và ốp lót tay dưới, ấn xuống để đuôi thông nòng lọt vào khuyết chứa ở bệ đầu ngắm.

Bước 6: Lắp ống phụ tùng.

Hai tay kết hợp lắp ống phụ tùng vào ống đựng, tay trái cầm súng như khi tháo. Tay phải cầm ống đựng phụ tùng (nắp ống hướng vào lòng bàn tay), lắp ống phụ tùng vào ổ chứa ở đế báng súng, dùng ngón trỏ ấn ống phụ tùng vào hết cỡ, rút ngón tay ra, nắp giữ ống phụ tùng tự động đóng lại.

Bước 7: Lắp hộp tiếp đạn

Tay trái giữ súng như khi tháo, tay phải cầm hộp tiếp đạn, lựa cho mấu trước của hộp tiếp đạn vào khuyết chứa ở hộp khóa nòng, ấn hộp tiếp đạn vào và kéo xuống dưới để mấu sau của hộp tiếp đạn khớp vào lẫy giữ hộp tiếp đạn, kiểm tra thấy chắc chắn là được.